

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: /2022/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định có chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /9/2022 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin Mục VI. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin như sau:

“1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ 100% kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin (thành tố D) quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 cho sở, ngành thực hiện.

b) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 30% cho các sở, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện (không bao gồm kinh phí đã phân bổ quy định tại điểm a khoản này).

c) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện:

(1) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện:

| Tiêu chí | Hệ số |
|--|--------|
| 1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện | |
| - Dưới 8% | 0,4 |
| - Từ 8% đến dưới 15% | 0,5 |
| - Từ 15% đến dưới 25% | 0,6 |
| - Từ 25% trở lên | 0,7 |
| 2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện | |
| - Dưới 1.200 hộ | 0,4 |
| - Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ | 0,45 |
| - Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ | 0,5 |
| - Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ | 0,6 |
| - Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ | 0,7 |
| - Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ | 0,8 |
| - Từ 7.200 hộ trở lên | 0,9 |
| 3. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn | |
| - Huyện nghèo | 0,12 |
| - Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo | 0,015 |
| 4. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện | |
| Mỗi xã/phường/thị trấn | 0,0092 |

(2) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

- N_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

- Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức:

$$Y_i = 0,12 \times HN + 0,015 \times XN_i + ĐV_i.$$

- HN (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0
- XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i
- $ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i
- Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D - S}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

Trong đó:

- G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6;

- D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của tỉnh;

- S là kinh phí đã phân bổ cho sở, ngành.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện giám sát Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: LĐ, TB & XH; KH & ĐT; TC; NN & PTNT; XD; TT & TT;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: LĐ, TB & XH; KH & ĐT; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang